

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 21/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28207254666	Trần Nguyên Bảo	An	24/08/2004	Đà Nẵng	31TSC15	9.0	9.0	Đạt	
2	28204305303	Lê Đỗ Kiều	Anh	28/05/2004	Quảng Ngãi	31THT17	9.7	6.8	Đạt	
3	28216606403	Lê Thiên	Ban	14/07/2004	Quảng Nam	31TSC15	7.3	6.8	Đạt	
4	29204764858	Lữ Ngọc	Châu	21/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC15	7.0	8.5	Đạt	
5	29206561022	Trương Thị Bảo	Châu	28/10/2005	Quảng Trị	31THT17	9.7	7.3	Đạt	
6	29204631909	Đỗ Hoàng	Chi	14/08/2004	Quảng Nam	31THT17	8.0	5.0	Đạt	
7	28214602180	Nguyễn Cao	Chiến	26/03/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	9.7	9.8	Đạt	
8	28216650174	Lê Văn	Cường	10/01/2004	Quảng Trị	31TYC15	6.0	5.8	Đạt	
9	28206801998	Đỗ Thị Thu	Diệu	30/11/2003	Quảng Nam	31TYC15	9.7	8.0	Đạt	
10	29207135592	Lê Thị Xuân	Diệu	04/11/2005	Quảng Ngãi	31THT17	9.7	6.8	Đạt	
11	28206302659	Trần Phan Ngọc	Diệu	17/07/2004	Quảng Nam	31THT17	8.0	7.0	Đạt	
12	29207151542	Nguyễn Thị Kiều	Dinh	27/08/2005	Đắk Lắk	31THT17	8.7	6.3	Đạt	
13	28209320763	Lê Thanh	Dung	02/07/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	9.7	9.8	Đạt	
14	28208151835	Thái Thùy	Dung	07/04/2004	Đà Nẵng	31TSC15	8.7	8.5	Đạt	
15	28208151838	Trần Thị Thùy	Dương	01/06/2004	Đà Nẵng	31TSC15	8.3	8.3	Đạt	
16	28206736150	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/02/2004	Bình Định	31TSC15	H	H	Không Đạt	
17	28204803989	Nguyễn Xuân	Hạ	04/04/2004	Kon Tum	31THT17	7.0	7.8	Đạt	
18	28212751178	Đào Thanh	Hải	03/04/2004	Đà Nẵng	31THT15	5.7	5.0	Đạt	
19	29206544116	Phạm Trương Bảo	Hân	20/04/2005	Đắk Lắk	31TYC15	7.7	7.3	Đạt	
20	29207134572	Mai Diệu	Hằng	08/07/2005	Quảng Trị	31THT17	10.0	7.8	Đạt	
21	28204305312	Phạm Ánh	Hằng	02/03/2004	Đà Nẵng	31TSC15	6.0	5.8	Đạt	
22	29207148780	Ngô Thị Bích	Hạnh	16/07/2005	Đà Nẵng	31THT17	4.3	5.0	Không Đạt	
23	28208003423	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	22/02/2004	Phú Yên	31TYC15	5.0	6.3	Đạt	
24	28208145148	Nguyễn Thị Công	Hạnh	26/06/2004	Quảng Nam	31CBN7	7.0	3.8	Không Đạt	
25	29204323361	Nguyễn Lê Bích	Hậu	04/10/2005	Bình Định	31TSC15	10.0	9.9	Đạt	
26	29207146036	Trần Thị Diệu	Hiền	12/11/2005	Quảng Ngãi	31THT17	6.0	8.0	Đạt	
27	29206549458	Đào Thị Vinh	Hoa	10/12/2005	Gia Lai	31TYC15	9.0	9.3	Đạt	
28	28214943276	Bùi Đức	Hoàng	24/08/2004	Nghệ An	31TSC15	8.7	9.3	Đạt	
29	28208106930	Nguyễn Ánh	Hồng	19/09/2004	Quảng Trị	31SSC7	8.7	6.0	Đạt	
30	30265280009	Nay H	Huế	18/01/1998	Gia Lai	31THT17	8.7	5.3	Đạt	
31	28218405639	Châu Đỗ Duy	Hung	23/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC15	4.7	6.3	Không Đạt	
32	27214337044	Nguyễn Quang	Huy	03/04/2003	Gia Lai	31TSC15	6.7	6.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204841455	Lê Mỹ	Huyền	14/07/2004	Kon Tum	31THT17	7.7	5.3	Đạt	
34	28204525007	Phạm Thị Lê	Huyền	14/02/2004	Đắk Lắk	31CSC9	7.0	5.3	Đạt	
35	28209447600	Trịnh Phạm Tú	Kha	13/10/2004	Đắk Lắk	31TSC15	5.0	5.0	Đạt	
36	28215002862	Nguyễn Nhật	Khang	25/09/2004	Quảng Ngãi	31THT17	9.3	10.0	Đạt	
37	28218021742	Lê Nhật	Khánh	13/11/2004	Hội An	31TSC15	10.0	6.8	Đạt	
38	28204604066	Dương Thị Hà	Khuong	14/08/2004	Quảng Nam	31TBN15	6.3	5.8	Đạt	
39	29206565573	Cao Thị Yến	Linh	30/07/2005	Nghệ An	31TYC15	7.3	7.0	Đạt	
40	28204602801	Nguyễn Thị Huyền	Linh	25/07/2004	Quảng Nam	31TYC15	8.7	6.3	Đạt	
41	28204303298	Nguyễn Thị Nhật	Linh	19/09/2004	Đắk Lắk	31THT17	6.3	6.3	Đạt	
42	28214843933	Phan Mai Phương	Linh	13/09/2004	Quảng Bình	31TSC15	9.3	7.3	Đạt	
43	30206954876	Vũ Thùy	Linh	27/03/2006	Gia Lai	31TYC15	9.0	8.4	Đạt	
44	28204102391	Tường Thị Như	Lộc	07/07/2004	Quảng Nam	31THT17	6.3	5.5	Đạt	
45	28207206343	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	10/11/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	9.3	5.8	Đạt	
46	28206802063	Phạm Thị Mỹ	Ly	10/03/2004	Đắk Lắk	31TSC15	9.3	5.3	Đạt	
47	28206542560	Trương Thị Cẩm	Ly	15/03/2004	Quảng Nam	31THT17	8.3	8.3	Đạt	
48	27205440707	Lý Nguyễn Hoàng	My	04/09/2003	Gia Lai	31THT17	7.3	6.8	Đạt	
49	29207129694	Nguyễn Thị Thảo	My	29/10/2005	Gia Lai	31THT17	7.0	6.0	Đạt	
50	28204300857	Nguyễn Thị Trà	My	18/10/2003	Quảng Bình	31TSC15	H	H	Không Đạt	
51	27215433751	Trần Minh	Nam	02/03/2003	Lâm Đồng	31THT17	7.7	5.3	Đạt	
52	28206101524	Đinh Thị Thanh	Ngân	09/11/2004	Gia Lai	31TSC15	8.7	5.0	Đạt	
53	28205002341	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	13/02/2004	Quảng Ngãi	31TSC15	7.3	5.0	Đạt	
54	28214100715	Nguyễn Hữu	Nguyên	21/04/2004	Đà Nẵng	31TYC15	5.7	9.9	Đạt	
55	28209442887	Võ Trần Thanh	Nhã	07/07/2004	Quảng Trị	31TYC15	8.0	9.4	Đạt	
56	28206637721	Trần Thị Thanh	Nhân	19/12/2004	Quảng Trị	31TSC15	6.7	8.3	Đạt	
57	28213106678	Đoàn Trung	Nhân	09/09/2004	Quảng Ngãi	31THT17	5.0	4.0	Không Đạt	
58	28204501240	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	18/07/2004	Phú Yên	31TYC15	10.0	9.0	Đạt	
59	28204543045	Nguyễn Lê Ái	Nhi	30/12/2004	Bình Định	31TYC15	7.3	5.3	Đạt	
60	29206525100	Phan Hoài	Nhi	21/07/2005	Quảng Trị	31TSC15	9.0	6.0	Đạt	
61	29206550938	Võ Vũ Hạnh	Nhi	08/03/2005	Đà Nẵng	31THT17	7.7	6.0	Đạt	
62	28212300482	Nguyễn Trọng	Phú	20/02/2004	Đắk Lắk	31TYC15	3.0	6.3	Không Đạt	
63	28204325393	Nguyễn Phạm Lê	Quyên	12/04/2004	Đắk Lắk	31TSC15	8.7	6.0	Đạt	
64	28206701310	Cao Thị Như	Quỳnh	04/06/2004	Huế	31TSC15	9.0	5.5	Đạt	
65	28205054946	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/02/2003	Quảng Trị	31TYC15	4.3	5.4	Không Đạt	
66	28217130983	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/03/2004	Quảng Trị	31TYC15	8.7	6.1	Đạt	
67	29207139859	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	30/01/2005	Đắk Lắk	31THT17	7.3	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28212304420	Hồ Minh	Sự	11/04/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	6.0	3.0	Không Đạt	
69	29204658919	Hứa Thị Mỹ	Tâm	30/06/2005	Đà Nẵng	31THT17	9.3	9.0	Đạt	
70	28203551349	Lê Thanh	Tâm	01/09/2004	Gia Lai	31TYC15	6.3	6.5	Đạt	
71	28204606905	Bùi Phan Thu	Thảo	31/08/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	9.3	7.0	Đạt	
72	28204104554	Nguyễn Thị	Thảo	07/01/2004	Quảng Trị	31THT17	8.3	5.3	Đạt	
73	28208004962	Trần Thị Phương	Thảo	23/01/2004	Quảng Nam	31TSC15	8.7	6.3	Đạt	
74	29206547295	Đỗ Ngọc Thiên	Thiên	11/08/2005	Lâm Đồng	31TYC15	V	V	Không Đạt	
75	28205000030	Trần Anh	Thơ	05/05/2004	Đà Nẵng	31TYC15	6.7	5.0	Đạt	
76	28203500040	Phạm Trần Anh	Thư	20/05/2003	Quảng Ngãi	31TYC15	5.3	5.0	Đạt	
77	28207201158	Tây Anh	Thư	15/10/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.7	7.9	Đạt	
78	28204640614	Phạm Thị Lê Hoài	Thương	04/10/2004	Quảng Nam	31TSC15	V	V	Không Đạt	
79	28206101969	Phạm Trương Hoài	Thương	20/01/2004	Gia Lai	31TSC15	8.0	5.9	Đạt	
80	29206557659	Đặng Thị	Thủy	14/04/2005	Quảng Trị	31TSC15	9.7	9.8	Đạt	
81	28212303635	Hoàng Quốc	Tiến	04/12/2004	Gia Lai	31TYC15	9.3	9.3	Đạt	
82	28213534213	Nguyễn Hoàng	Tín	16/08/2004	Bình Định	31TYC15	9.7	8.0	Đạt	
83	29204659749	Nguyễn Thị Xuân	Tinh	24/06/2005	Quảng Ngãi	31TYC15	9.7	9.8	Đạt	
84	28216602247	Văn	Toàn	28/11/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.7	8.0	Đạt	
85	29204961390	Lê Đào Thanh	Trà	17/07/2005	Quảng Bình	31TSC15	8.7	9.8	Đạt	
86	28204548154	Nguyễn Thanh	Trà	19/08/2004	Gia Lai	31THT17	9.3	10.0	Đạt	
87	29206556633	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	12/11/2005	Gia Lai	31THT17	9.3	6.8	Đạt	
88	30204938175	Võ Đào Bảo	Trâm	21/10/2006	Đà Nẵng	31TBN13	5.3	2.8	Không Đạt	
89	28205053984	Lê Thị Thùy	Trang	28/08/2004	Quảng Trị	31TBN14	6.0	5.5	Đạt	
90	28204948656	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/10/2004	Hà Tĩnh	31TYC15	6.7	5.0	Đạt	
91	30207245008	Nguyễn Thị Mai	Trang	18/03/2006	Quảng Trị	31THT17	V	V	Không Đạt	
92	29206558233	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01/01/2005	Gia Lai	31TYC15	4.7	9.5	Không Đạt	
93	29207160192	Nguyễn Thu	Trang	01/07/2005	Kon Tum	31THT17	9.0	6.5	Đạt	
94	28208006659	Võ Nữ Quỳnh	Trang	09/12/2004	Quảng Ngãi	31TBN14	9.3	5.0	Đạt	
95	27211331437	Ngô Minh	Trí	30/10/2003	Quảng Nam	31THT6	6.0	5.5	Đạt	
96	28204601483	Trần Thị Lê	Trinh	14/11/2004	Quảng Nam	31TYC15	6.0	8.3	Đạt	
97	28212238142	Đặng Thành	Trung	26/10/2004	Đà Nẵng	31TSC15	9.7	7.0	Đạt	
98	28212702986	Trần Thành	Trung	28/09/2004	Đắk Lắk	31TYC15	7.3	5.9	Đạt	
99	27215433407	Nguyễn Đăng	Trưởng	05/05/2003	Đắk Lắk	31THT17	9.7	9.5	Đạt	
100	28214928820	Phan Thanh	Tuấn	20/10/2004	Đà Nẵng	31TSC15	8.3	9.4	Đạt	
101	28204605086	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyền	02/06/2004	Bình Định	31TSC15	9.7	6.0	Đạt	
102	29206558389	Nguyễn Hạ	Vi	25/11/2005	Hà Tĩnh	31TYC15	9.0	9.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	29207160827	Nguyễn Thị Yến	Vi	05/08/2005	Gia Lai	31THT17	9.3	5.8	Đạt	
104	29204635097	Phạm Thị Lan	Viên	05/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC15	9.7	6.5	Đạt	
105	28212353610	Lê Hoài	Vũ	11/12/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	7.3	7.8	Đạt	
106	28212302824	Trần Văn Quang	Vũ	22/09/2004	Thừa Thiên H	31TYC15	4.7	6.8	Không Đạt	
107	28212938305	Nguyễn Văn	Vương	10/02/2004	Đà Nẵng	31THT17	9.7	9.4	Đạt	
108	28208103136	Ngô Thị Như	Ý	02/12/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.3	6.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh